

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 25/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1996 “có mặt”; địa chỉ: tổ 2, khu phố 2, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Công S, sinh năm 1994 “vắng mặt”; địa chỉ: thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thùy D tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:***

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Huỳnh Công S tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào năm 2016. Trong thời gian chung sống chị D và anh S có hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc và không chu cấp đầy đủ cho chị D nuôi con nên chị D đã sống ly thân anh S từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Nay, chị D xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh S đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị D và anh S có 01 người con chung là Huỳnh Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 20/12/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung cháu Thy thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, tại phiên tòa chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Huỳnh Công S: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Công S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh S cư trú tại xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Đối với bị đơn anh Huỳnh Công S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng anh S vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc anh S cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung cháu Thy thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên của chị D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị D buộc anh S cấp dưỡng nuôi con cho chị D số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung cháu Thy thành niên (đủ 18 tuổi); nếu sau này chị D khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Huỳnh Công S tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào năm 2016. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống chị D và anh S có hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc và không chu cấp đầy đủ cho chị D nuôi con nên chị D đã sống ly thân anh S từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị D xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh S. Đối với bị đơn anh S, khi được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc và hòa giải về hôn nhân nhưng anh S không đến tham gia, thể hiện sự bỏ mặc không có sự tôn trọng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh S có 01 người con chung Huỳnh Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 20/12/2016. Tại phiên tòa chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của chị D và anh S đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay, cháu Thy đang do chị D trực tiếp nuôi. Do vậy, giao cháu Thy cho chị D trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời hạn giao con cho chị D kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị D xác định trong thời gian sống chung với anh S không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Huỳnh Công S.

2. Về nuôi con: Giao con chung Huỳnh Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 20/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho chị D kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng của chị D nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số 0019172 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND phường Thác Mơ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công